

BẢNG ĐIỂM KỲ THI

CHỨNG CHỈ TIN HỌC ỨNG DỤNG CNTT CƠ BẢN

Ngày Thi: 23/8/2026

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Nơi Sinh	Điểm lý thuyết	Điểm Thực hành	Kết quả	Ghi chú
1	BKCB11366	Trương Hoàng	An	10/10/1992	Đồng Tháp	10,0	8,0	Đạt	
2	BKCB11367	Trần Ngọc	Ân	01/10/2012	Tiền Giang	7,33	5,0	Đạt	
3	BKCB11368	Bùi Ngọc	Anh	25/10/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	10,0	8,5	Đạt	
4	BKCB11369	Nguyễn Nhật	Anh	22/07/2006	Tây Ninh	8,0	8,67	Đạt	
5	BKCB11370	Nguyễn Quốc Hoàng	Anh	05/09/2006	Đắk Lắk	9,0	5,0	Đạt	
6	BKCB11371	Nguyễn Thị Hoàng	Anh	07/03/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	5,67	5,17	Đạt	
7	BKCB11372	Nguyễn Võ Huyền	Anh	04/10/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	7,67	7,0	Đạt	
8	BKCB11373	Quảng Thị Tiểu	Băng	17/10/1998	Vĩnh Long	9,33	6,5	Đạt	
9	BKCB11374	Nguyễn Toàn Gia	Bảo	09/12/2006	Cà Mau	7,33	6,0	Đạt	
10	BKCB11375	Huỳnh Thị Thái	Bình	13/10/2006	Khánh Hòa	8,0	8,0	Đạt	
11	BKCB11376	Nguyễn Hải	Đăng	06/09/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	10,0	6,67	Đạt	
12	BKCB11377	Huỳnh Công	Danh	29/05/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	7,33	7,33	Đạt	
13	BKCB11378	Trần Thành	Đạt	25/07/2011	Tiền Giang	7,67	8,5	Đạt	
14	BKCB11379	Trương Ngọc	Diễm	28/10/1992	Thành phố Hồ Chí Minh	9,67	9,5	Đạt	
15	BKCB11380	Lê Đậu Khánh	Duy	13/09/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	9,33	8,33	Đạt	
16	BKCB11381	Bùi Thị	Duyên	15/10/2006	Gia Lai	10,0	7,67	Đạt	
17	BKCB11382	Lục Kỳ	Duyên	24/07/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	9,33	7,67	Đạt	
18	BKCB11383	Nguyễn Mỹ	Duyên	26/09/2005	Cà Mau	9,67	6,67	Đạt	
19	BKCB11384	Phan Nguyễn Ngọc	Duyên	26/07/2003	Cần Thơ	7,0	6,0	Đạt	
20	BKCB11385	Thái Hoàng	Gia	10/02/2006	Lâm Đồng	8,0	6,0	Đạt	
21	BKCB11386	Nguyễn Thị Mộng	Giao	06/08/2011	Tiền Giang	8,33	8,0	Đạt	
22	BKCB11387	Võ Thị	Hà	21/02/1989	Nghệ An	9,33	6,33	Đạt	
23	BKCB11388	Vũ Duy	Hải	25/06/2000	Thành phố Đồng Nai	9,0	7,17	Đạt	
24	BKCB11389	Lê Thị Bảo	Hân	19/11/2007	Lâm Đồng	8,67	7,83	Đạt	
25	BKCB11390	Nguyễn Hồ Ngọc	Hân	06/01/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	6,67	6,0	Đạt	
26	BKCB11391	Huỳnh Thị Lệ	Hăng	17/12/2006	Đắk Lắk	8,33	5,67	Đạt	
27	BKCB11392	Phạm Thị Phương	Hăng	06/01/1994	Thành phố Đồng Nai	8,0	7,5	Đạt	
28	BKCB11393	Lâm Thị Tú	Hiền	14/05/1989	Lâm Đồng	8,0	5,0	Đạt	
29	BKCB11394	Phạm Thị Ngọc	Hiền	26/11/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	9,0	7,67	Đạt	
30	BKCB11395	Võ Ngọc Đăng	Hoa	18/09/2003	Thành phố Hồ Chí Minh				Vắng
31	BKCB11396	Nguyễn Thị Diễm	Hồng	08/08/2000	Thành phố Đồng Nai	8,33	5,33	Đạt	
32	BKCB11397	Nguyễn Trí	Hùng	04/06/2006	Tây Ninh	7,33	5,33	Đạt	
33	BKCB11398	Đoàn Văn	Hưng	13/08/1986	Ninh Bình	8,33	5,33	Đạt	
34	BKCB11399	Hà Thị	Hương	15/05/2004	Thanh Hoá	9,33	5,67	Đạt	
35	BKCB11400	Từ Thị Bích	Hường	18/12/2006	Gia Lai	10,0	7,17	Đạt	
36	BKCB11401	Trương Gia	Huy	07/05/2003	Cà Mau	8,33	5,33	Đạt	
37	BKCB11402	Lý Thị Thu	Huyền	21/10/1992	Bắc Kạn	10,0	6,0	Đạt	
38	BKCB11403	Bùi Thị	Huyền	19/01/1991	Nghệ An	8,33	6,0	Đạt	

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Nơi Sinh	Điểm lý thuyết	Điểm Thực hành	Kết quả	Ghi chú
39	BKCB11404	Võ Thị Kim	Khánh	30/10/2002	Quảng Ngãi	9,33	8,5	Đạt	
40	BKCB11405	Nguyễn Minh	Khoa	08/08/2015	Thành phố Hồ Chí Minh	8,0	8,5	Đạt	
41	BKCB11406	Huỳnh Trung	Kiên	03/10/2006	Tây Ninh	9,67	7,5	Đạt	
42	BKCB11407	Hứa Anh	Kiệt	12/06/2011	Thành phố Hồ Chí Minh	10,0	8,0	Đạt	
43	BKCB11408	Nguyễn Phước	Lâm	21/03/2000	Thành phố Hồ Chí Minh	9,67	9,5	Đạt	
44	BKCB11409	Châu Nguyễn Thiên	Lan	17/01/2000	Đồng Tháp				Vắng
45	BKCB11410	Trần Thúy	Lan	31/10/1980	Thành phố Hồ Chí Minh	5,67	7,17	Đạt	
46	BKCB11411	Dương Thị Mai	Linh	25/08/2002	Thành phố Đồng Nai	9,0	7,67	Đạt	
47	BKCB11412	Nguyễn Thị Kim	Linh	25/05/2000	An Giang	9,67	7,17	Đạt	
48	BKCB11413	Nguyễn Thùy	Linh	07/12/2004	Lâm Đồng	10,0	7,33	Đạt	
49	BKCB11414	Phan Tú	Linh	10/10/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	9,67	7,67	Đạt	
50	BKCB11415	Trần Đình	Linh	07/08/1995	Hà Tĩnh	5,33	6,33	Đạt	
51	BKCB11416	Hà Thị Như	Loan	19/06/1976	Quảng Ngãi	10,0	6,0	Đạt	
52	BKCB11417	Nguyễn Duy	Lộc	27/01/1993	Thành phố Đồng Nai	9,67	7,0	Đạt	
53	BKCB11418	Lê Hoàng	Long	26/05/2007	Thành phố Hồ Chí Minh	5,0	5,0	Đạt	
54	BKCB11419	Lê Nguyễn Thiên	Long	20/10/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	6,67	6,33	Đạt	
55	BKCB11420	Nguyễn Thị Trúc	Ly	16/02/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	8,33	7,5	Đạt	
56	BKCB11421	Đặng Thị Ngọc	Mai	02/12/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	6,67	6,67	Đạt	
57	BKCB11422	Đoàn Diệp Xuân	Mai	11/03/2003	Đồng Tháp	9,0	6,0	Đạt	
58	BKCB11423	Lê Thị Hồng	Mai	01/02/2005	Gia Lai	9,67	8,0	Đạt	
59	BKCB11424	Phạm Trúc	Mai	09/01/2000	Thành phố Hồ Chí Minh	9,0	8,33	Đạt	
60	BKCB11425	Cao Hữu	Minh	18/02/1970	Thành phố Huế	8,67	5,67	Đạt	
61	BKCB11426	Lê Thị Ngọc	Minh	05/03/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	10,0	8,67	Đạt	
62	BKCB11427	Huỳnh Lương Trà	My	27/05/2006	Đắk Lắk	6,67	6,0	Đạt	
63	BKCB11428	Đặng Thị Thiên	Mỹ	02/01/2006	Thành phố Đồng Nai	8,33	5,67	Đạt	
64	BKCB11429	Đặng Nguyễn Hiếu	Nghĩa	03/03/2001	Bến Tre	7,0	6,0	Đạt	
65	BKCB11430	Đinh Thị Ánh	Ngọc	02/03/2006	Quảng Ngãi	10,0	7,33	Đạt	
66	BKCB11431	Nguyễn Thị Ánh	Ngọc	24/05/2012	Thành phố Hồ Chí Minh	8,67	8,67	Đạt	
67	BKCB11432	Phạm Phương	Ngọc	08/07/2007	Thành phố Hồ Chí Minh	8,33	6,67	Đạt	
68	BKCB11433	Trần Hoàng Khánh	Ngọc	01/10/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	8,67	6,0	Đạt	
69	BKCB11434	Đặng Bùi Chí	Nguyễn	18/02/2003	Cần Thơ	9,67	9,33	Đạt	
70	BKCB11435	Huỳnh Như	Nguyệt	21/03/2006	Gia Lai	9,0	7,67	Đạt	
71	BKCB11436	Nguyễn Minh	Nhã	01/10/2010	Tiền Giang	9,0	8,83	Đạt	
72	BKCB11437	Bùi Trọng	Nhân	25/01/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	9,67	8,67	Đạt	
73	BKCB11438	Dương Phạm Triều	Nhân	09/02/2000	Vĩnh Long	8,33	7,67	Đạt	
74	BKCB11439	Nguyễn Thanh	Nhân	06/03/1984	Thành phố Hồ Chí Minh	9,0	8,67	Đạt	
75	BKCB11440	Nguyễn Thành	Nhân	15/05/2003	Khánh Hoà	7,0	6,0	Đạt	
76	BKCB11441	Nguyễn Thị Hồng	Nhạn	22/3/1983	Thành phố Hồ Chí Minh	6,67	4,0	Không đạt	
77	BKCB11442	Hồ Lâm Tuyết	Nhi	19/09/2004	Thành phố Đồng Nai				Vắng
78	BKCB11443	Huỳnh Văn	Nhi	22/03/2001	Thành phố Huế	9,33	8,33	Đạt	
79	BKCB11444	Trần Mỹ	Nhi	01/10/2000	Quảng Ngãi	8,33	7,0	Đạt	
80	BKCB11445	Võ Thị Yến	Nhi	11/07/2001	An Giang	8,67	7,5	Đạt	

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Nơi Sinh	Điểm lý thuyết	Điểm Thực hành	Kết quả	Ghi chú
81	BKCB11446	Huỳnh Chí	Nhớ	12/05/1991	Cần Thơ	9,0	9,0	Đạt	
82	BKCB11447	Hồ Nguyễn Thanh	Như	20/01/2000	Thành phố Đồng Nai	9,67	7,67	Đạt	
83	BKCB11448	Nguyễn Huỳnh Khánh	Như	02/09/2005	Vĩnh Long	7,0	5,33	Đạt	
84	BKCB11449	Trần Thị Quỳnh	Như	04/09/2006	Thành phố Đồng Nai	9,67	7,0	Đạt	
85	BKCB11450	Lê Thúy	Như	04/04/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	7,33	6,67	Đạt	
86	BKCB11451	Nguyễn Văn	Oanh	25/02/1968	Thành phố Hồ Chí Minh	9,0	6,67	Đạt	
87	BKCB11452	Nguyễn Tấn	Phát	25/02/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	9,33	6,0	Đạt	
88	BKCB11453	Nguyễn Tấn	Phong	09/09/2004	Gia Lai	8,67	7,67	Đạt	
89	BKCB11454	Phạm Ngọc Hoàng	Phúc	25/05/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	9,67	6,67	Đạt	
90	BKCB11455	Phạm Trần Hoài	Phúc	04/06/2012	Tiền Giang	6,0	8,0	Đạt	
91	BKCB11456	Trần Như	Phúc	10/02/1995	Thành phố Hồ Chí Minh	8,33	9,17	Đạt	
92	BKCB11457	Trịnh Bích	Phương	16/06/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	10,0	8,0	Đạt	
93	BKCB11458	Ngô Ngọc	Phượng	15/12/1992	Thành phố Hồ Chí Minh	9,5	9,5	Đạt	
94	BKCB11459	Nguyễn Hồng	Phượng	09/02/2000	Đồng Tháp	9,67	7,0	Đạt	
95	BKCB11460	Bùi Nguyễn Minh	Quân	25/04/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	6,67	6,67	Đạt	
96	BKCB11461	Đào Trần Anh	Quân	22/02/2000	Gia Lai	8,33	6,5	Đạt	
97	BKCB11462	Mai Trần	Quân	04/09/2004	Tây Ninh	9,0	8,33	Đạt	
98	BKCB11463	Đào Duy Thanh	Quý	12/08/1999	Thành phố Hồ Chí Minh	9,0	8,33	Đạt	
99	BKCB11464	Trương Thị Thảo	Quyên	19/01/2002	Tây Ninh	6,0	9,0	Đạt	
100	BKCB11465	Trần Văn	Quyên	09/08/1984	Bình Phước	7,67	5,67	Đạt	
101	BKCB11466	Nguyễn Văn	Son	12/11/1982	Hung Yên	10,0	8,67	Đạt	
102	BKCB11467	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	07/10/1982	Quảng Ngãi	10,0	9,0	Đạt	
103	BKCB11468	Huỳnh Nguyễn Duy	Tân	17/10/1985	Cà Mau	8,33	9,0	Đạt	
104	BKCB11469	Cao Xuân	Thắng	10/08/1999	Thành phố Đồng Nai	8,33	8,67	Đạt	
105	BKCB11470	Nguyễn Danh	Thành	16/08/2003	Hà Tĩnh	10,0	8,0	Đạt	
106	BKCB11471	Lê Nguyên	Thành	14/12/2004	Nghệ An	10,0	9,33	Đạt	
107	BKCB11472	Nguyễn Thị Anh	Thảo	10/09/1973	Đồng Tháp	8,0	2,67	Không đạt	
108	BKCB11473	Phan Quỳnh	Thi	08/12/2005	Gia Lai	8,67	7,67	Đạt	
109	BKCB11474	Trần Hoàng Gia	Thịnh	23/10/2012	Tiền Giang	9,33	9,33	Đạt	
110	BKCB11475	Hoàng Ngọc	Thu	03/07/1985	Thanh Hoá	8,67	5,67	Đạt	
111	BKCB11476	Nguyễn Hồ Anh	Thư	05/07/2004	Tây Ninh	7,67	6,0	Đạt	
112	BKCB11477	Nguyễn Hoàng Anh	Thư	08/02/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	7,0	9,0	Đạt	
113	BKCB11478	Nguyễn Hoàng Anh	Thư	06/01/2015	Tiền Giang	6,67	7,0	Đạt	
114	BKCB11479	Nguyễn Minh	Thư	01/06/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	8,33	7,67	Đạt	
115	BKCB11480	Lê Thế	Thuận	23/11/2002	Cà Mau	9,33	9,17	Đạt	
116	BKCB11481	Nguyễn Phạm Song	Thương	06/10/2006	Thành phố Đồng Nai				Vắng
117	BKCB11482	Khru Thuận	Thủy	11/02/2000	Khánh Hòa	9,33	8,67	Đạt	
118	BKCB11483	Nguyễn Thị Như	Thủy	29/11/2004	Đắk Lắk	7,33	7,67	Đạt	
119	BKCB11484	Phan Thị Bích	Thủy	02/05/1966	Thành phố Huế	7,0	4,0	Không đạt	
120	BKCB11485	Nguyễn Trọng	Tính	22/07/1986	Cà Mau	7,67	6,0	Đạt	
121	BKCB11486	Phạm Tấn	Tình	08/06/1991	Bình Phước	9,67	7,0	Đạt	
122	BKCB11487	Lê Bích	Trâm	20/06/2015	Tiền Giang	6,0	8,33	Đạt	

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Nơi Sinh	Điểm lý thuyết	Điểm Thực hành	Kết quả	Ghi chú
123	BKCB11488	Nguyễn Nữ Hoài	Trân	25/05/2001	Đắk Lắk	8,33	6,0	Đạt	
124	BKCB11489	Nguyễn Thị Bảo	Trân	03/01/2002	Tây Ninh	10,0	8,67	Đạt	
125	BKCB11490	Ngô Hoàng	Trinh	08/10/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	9,33	9,33	Đạt	
126	BKCB11491	Phan Xuân	Trường	04/08/1999	Đắk Lắk	10,0	9,67	Đạt	
127	BKCB11492	Lê Thị Cẩm	Tú	01/07/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	9,67	9,33	Đạt	
128	BKCB11493	Lê Hữu	Tuân	17/09/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	9,67	9,5	Đạt	
129	BKCB11494	Lâm Kiến	Tùng	09/06/1999	Thành phố Hồ Chí Minh	9,67	9,0	Đạt	
130	BKCB11495	Nguyễn Văn	Tương	16/10/1984	Lạng Sơn	7,67	8,33	Đạt	
131	BKCB11496	Lê Thị Kim	Tuyền	29/06/2006	Đồng Tháp				Vắng
132	BKCB11497	Lê Thị Thanh	Tuyền	01/01/1993	An Giang	7,33	5,0	Đạt	
133	BKCB11498	Nguyễn Minh	Tuyết	01/06/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	9,0	6,33	Đạt	
134	BKCB11499	Trương Lê	Uyên	07/04/2003	Gia Lai	10,0	9,17	Đạt	
135	BKCB11500	Nguyễn Văn	Vàng	06/7/1992	Thành phố Hồ Chí Minh	7,33	8,67	Đạt	
136	BKCB11501	Quan Văn	Vĩnh	17/09/1985	Tuyên Quang	7,0	8,67	Đạt	
137	BKCB11502	Võ Ngọc Hoàng	Vy	06/12/2006	Thành phố Hồ Chí Minh				Vắng
138	BKCB11503	Võ Ngọc Thảo	Vy	01/10/2006	Đồng Nai	4,33	0,0	Không đạt	Không TH
139	BKCB11504	Vương Thúy	Vy	06/11/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	9,0	9,33	Đạt	
140	BKCB11505	Trương Nguyễn Ngọc	Xuyến	29/12/2006	Cà Mau	10,0	9,33	Đạt	
141	BKCB11506	Hoàng Hải	Yến	20/10/2005	Phú Thọ	6,33	5,67	Đạt	
142	BKCB11507	Trần Thị Hải	Yến	19/03/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	6,67	7,67	Đạt	
143	BKCB11562	Nguyễn Minh	Hiền	26/10/2003	Tây Ninh	8,33	8,67	Đạt	

Kết quả Đạt: Điểm lý thuyết (Trắc nghiệm)>=5 và Điểm thực hành >=5

Số lượng thí sinh:143Số thí sinh đạt:133

Số lượng hiện diện:137

Thư ký Hội đồng

Chủ tịch Hội đồng

Ngô Quang Nhựt

Thoại Nam